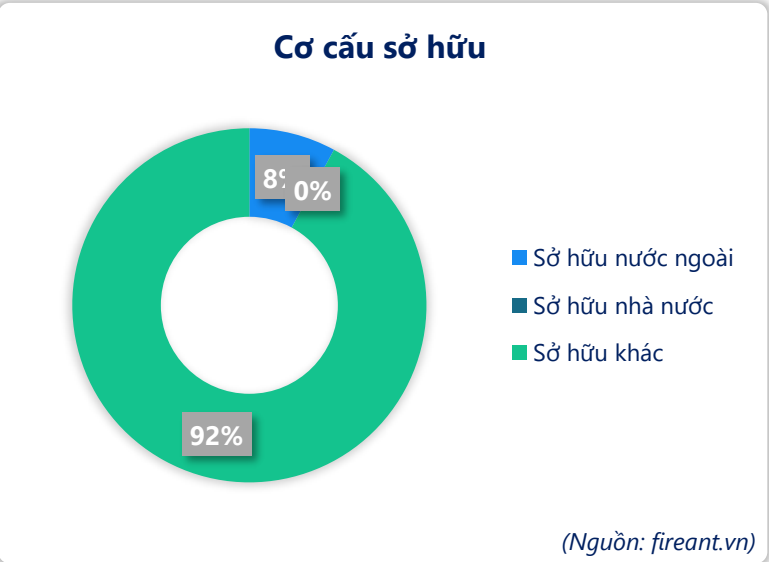
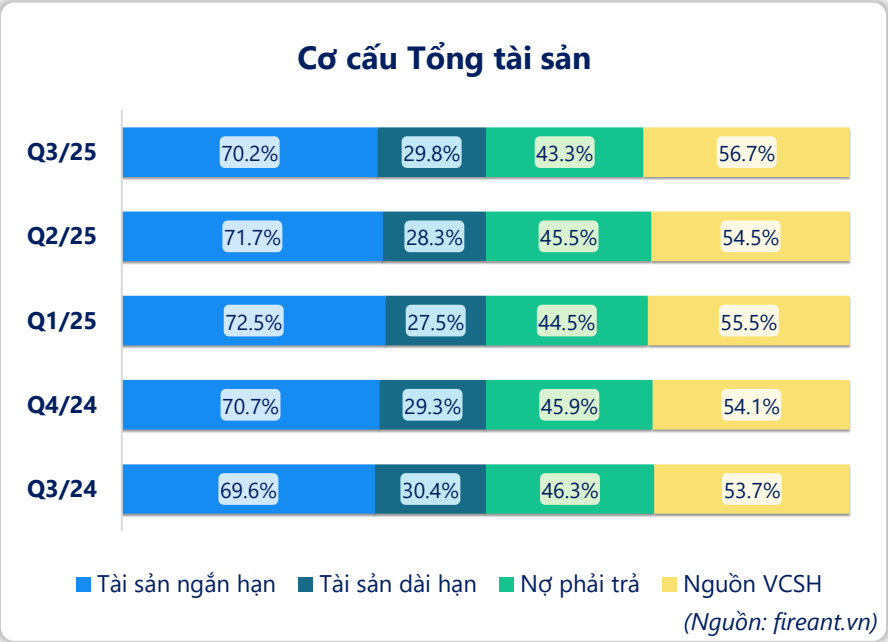
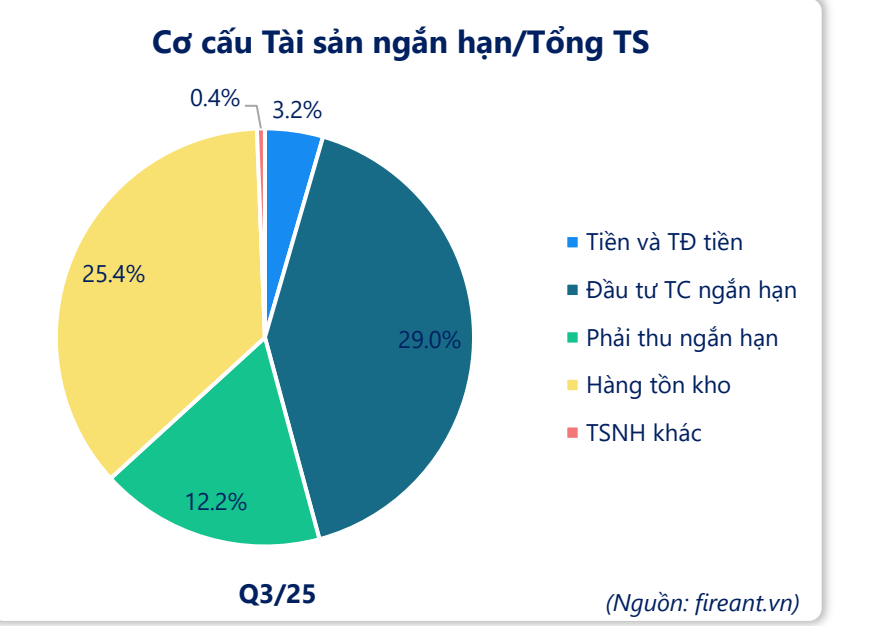
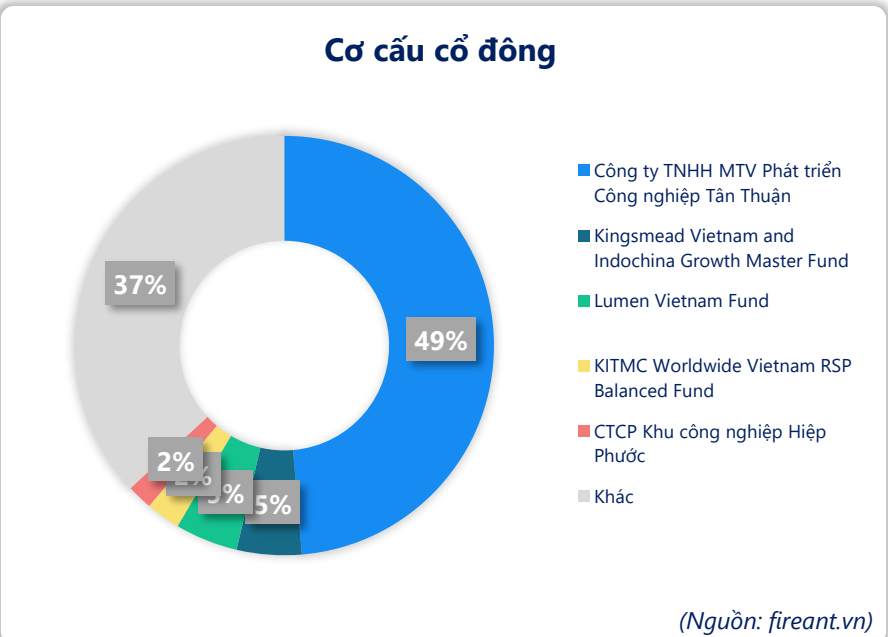
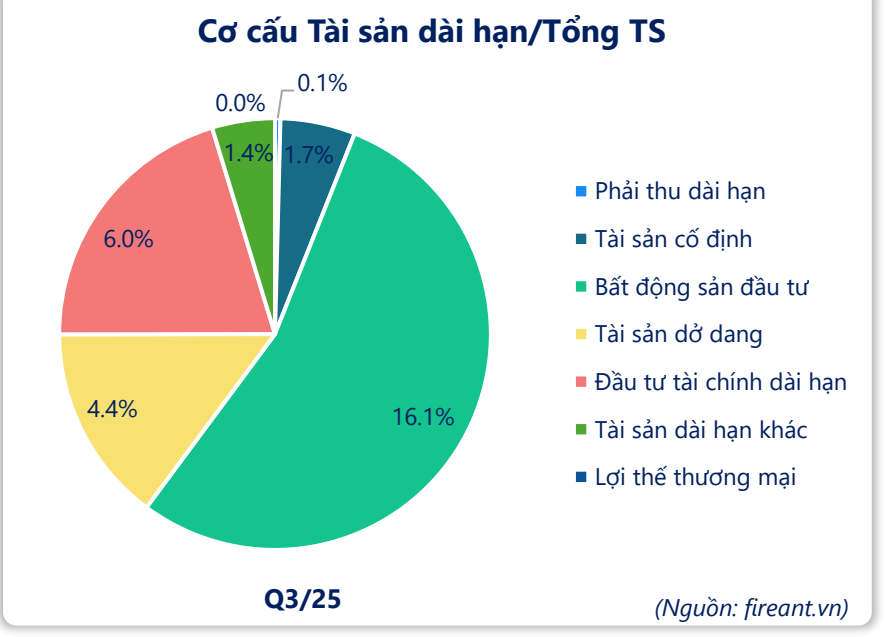
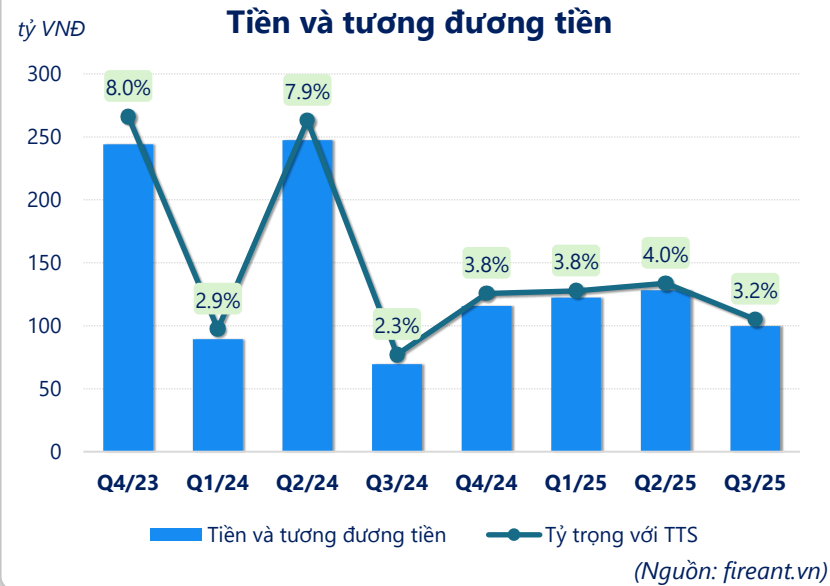
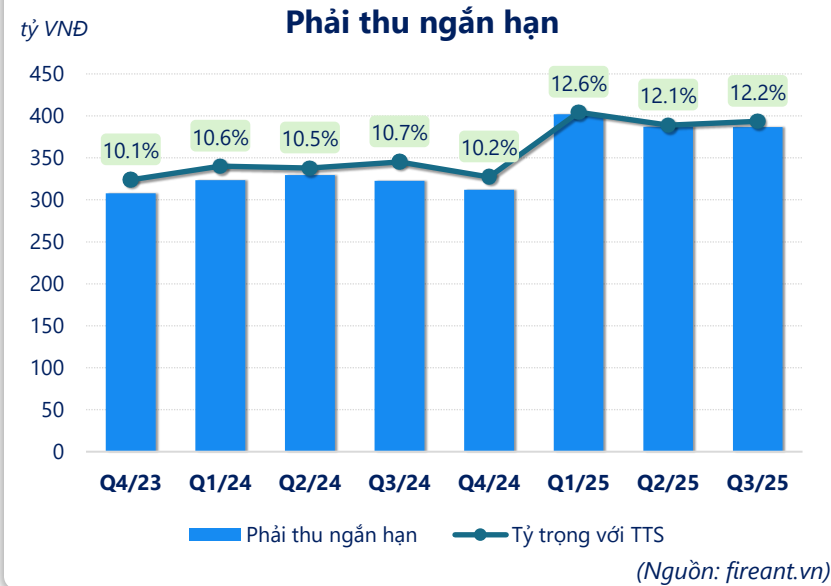
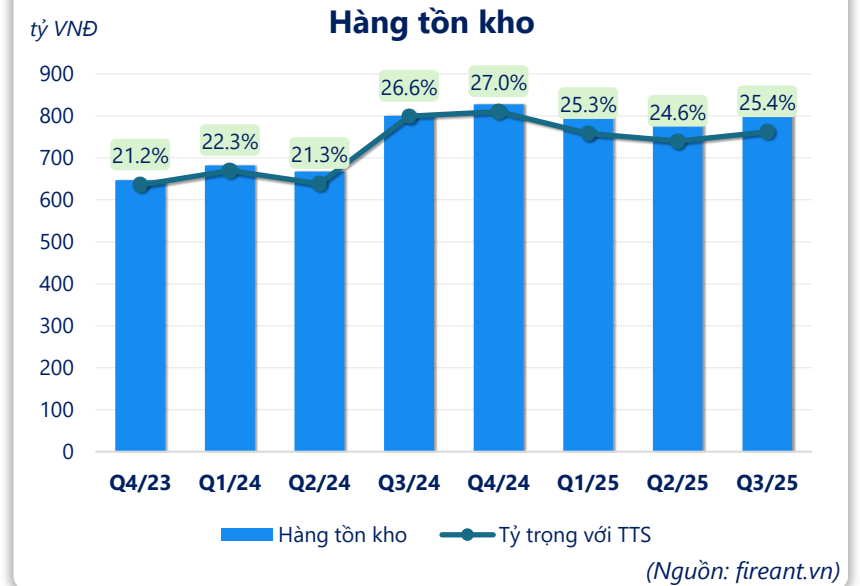
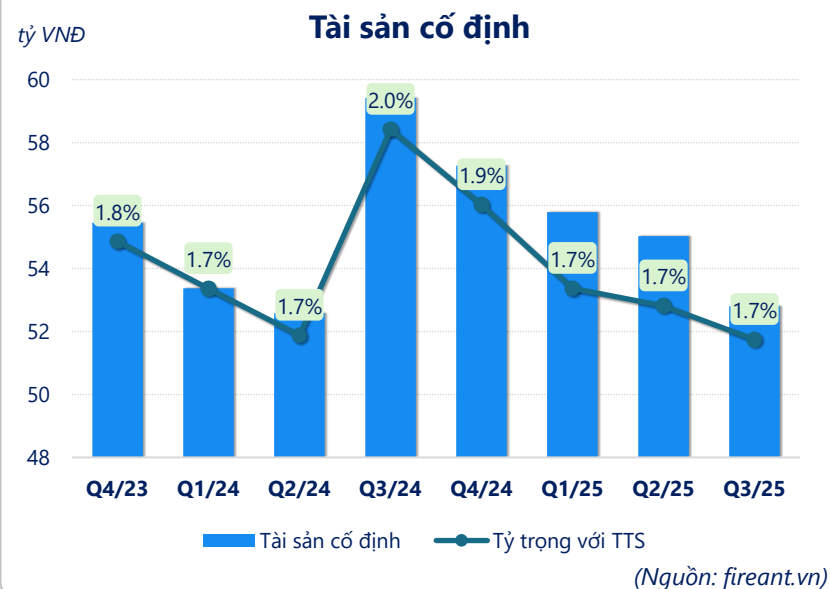
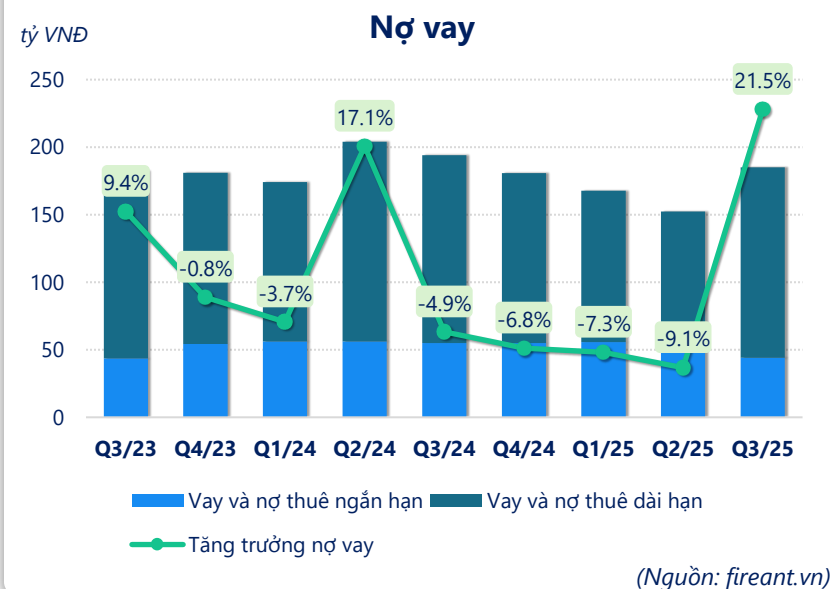
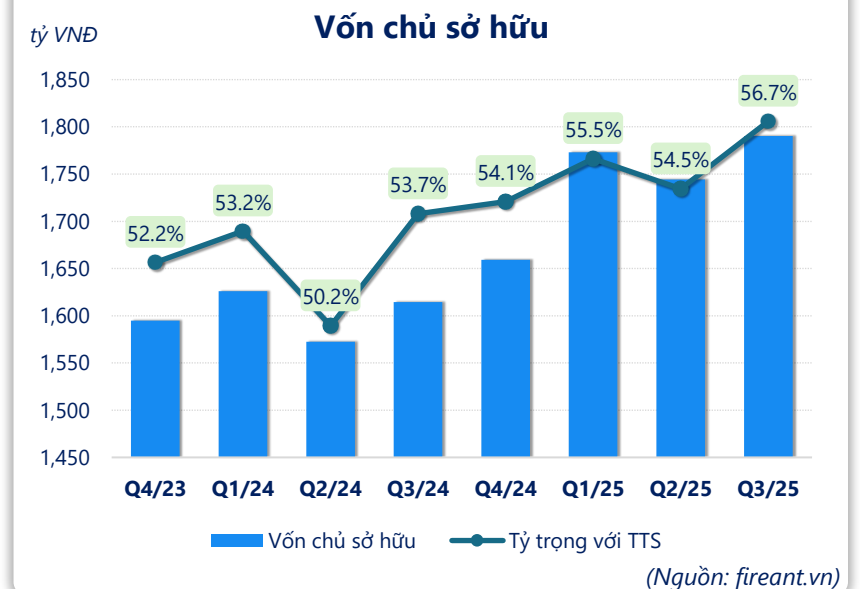
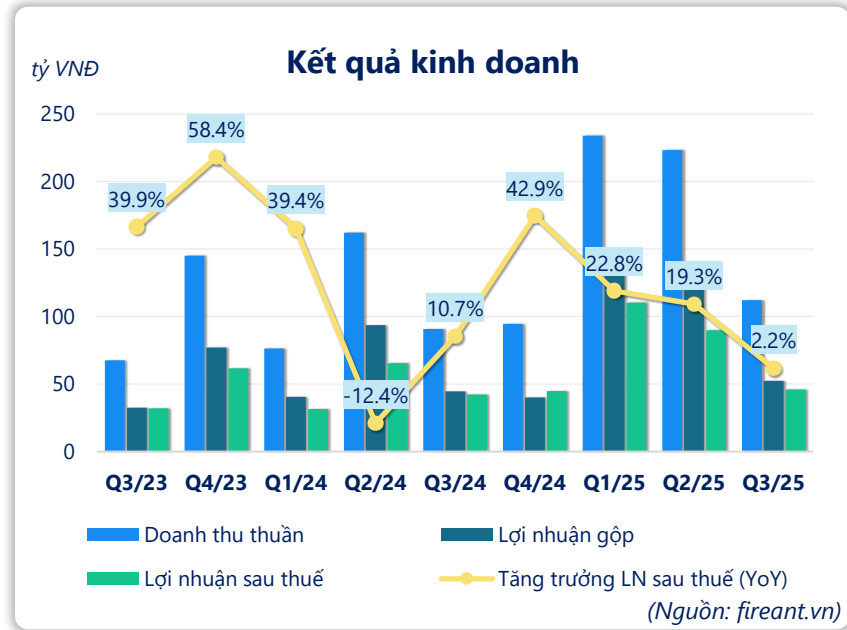
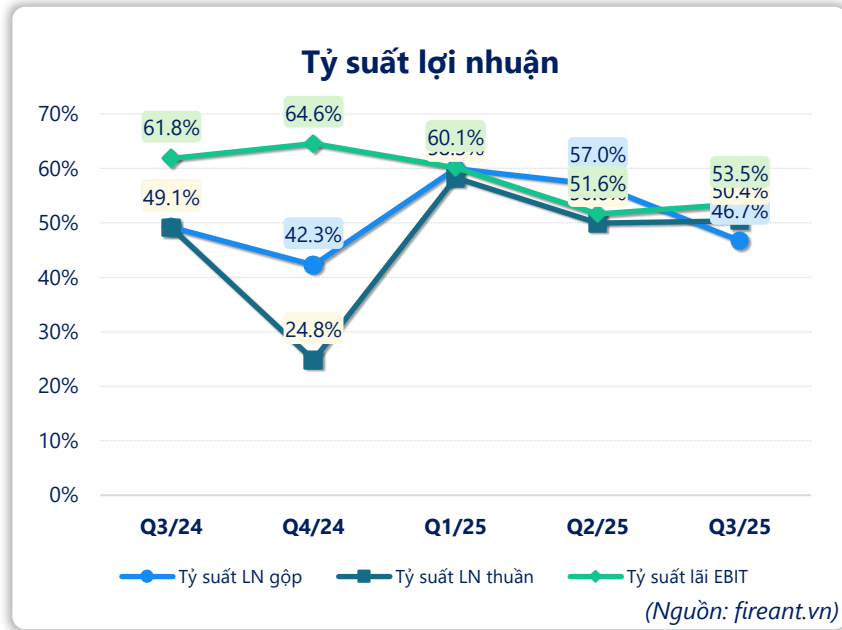
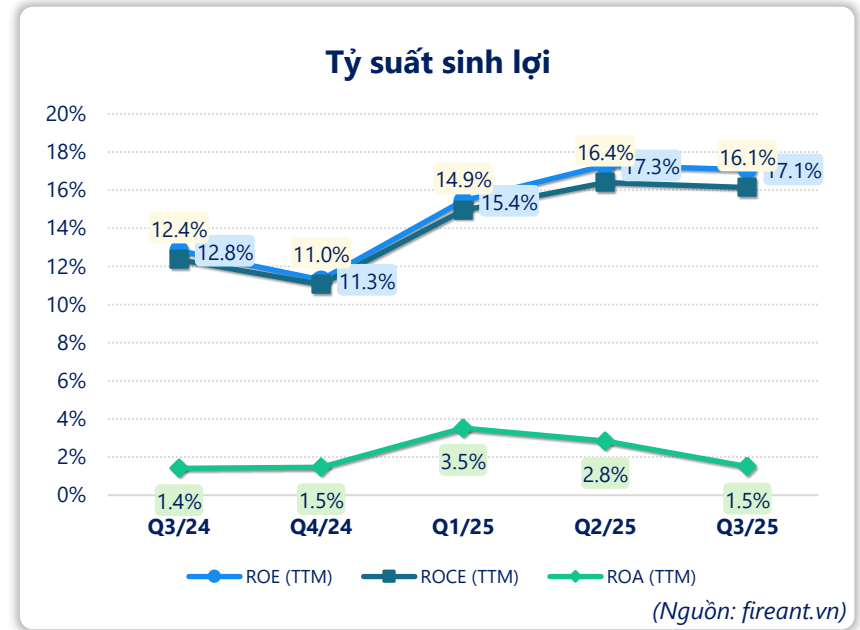
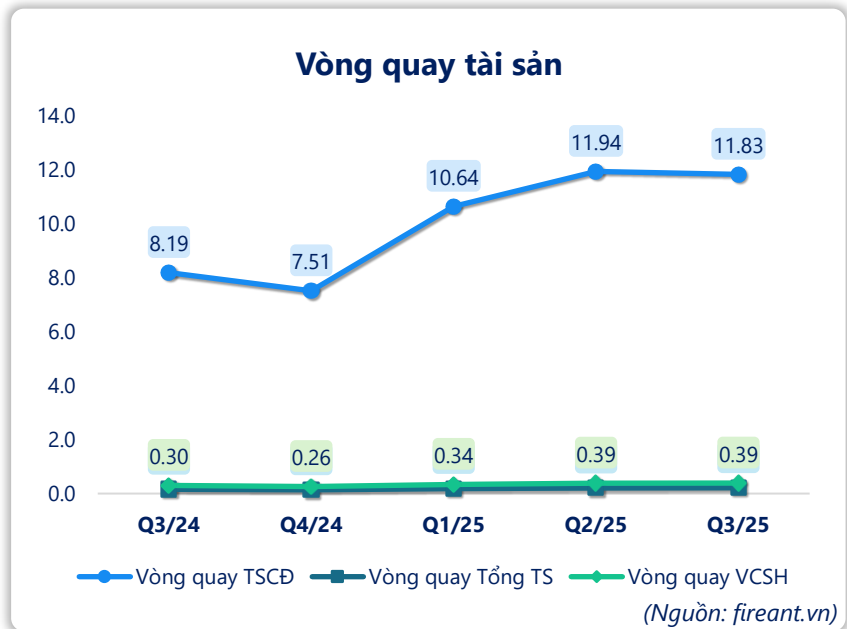
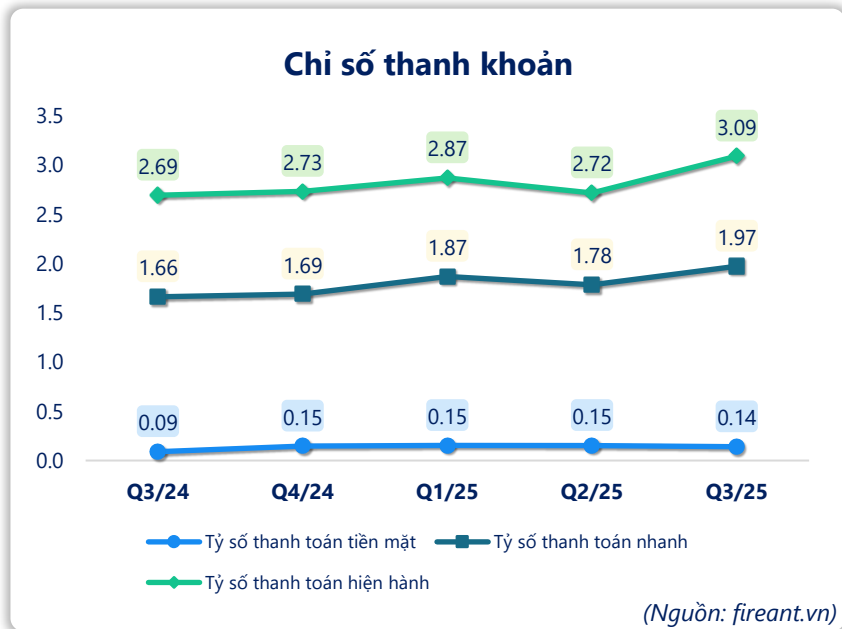
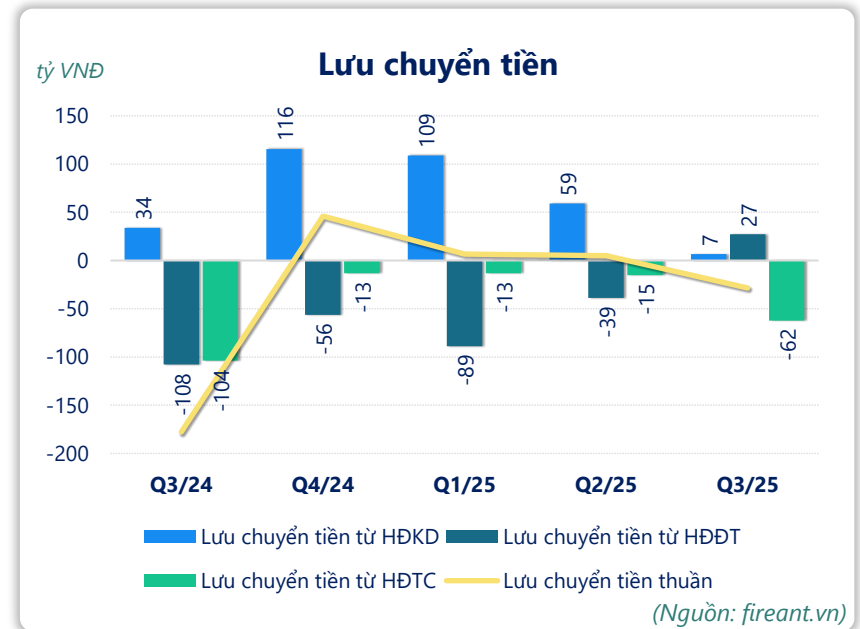


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,650
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,978
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,007
SL cổ phiếu LH		50,012,010
KLGD BQ 20 phiên (CP)		145,305
% sở hữu nước ngoài		7.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,533
P/E		5.3
EPS		5,815

	YTD	1T	3T	6T
LHG	-9.2%	-1.6%	1.8%	-6.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,159	3,070	2.9%
Tài sản ngắn hạn	2,219	2,172	2.1%
Tiền và tương đương tiền	99.7	116	-13.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	917	900	1.9%
Phải thu ngắn hạn	387	316	22.4%
Hàng tồn kho	803	828	-3.1%
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	13.5	0.3%
Tài sản dài hạn	940	898	4.7%
Phải thu dài hạn	3.81	3.81	0.0%
Tài sản cố định	52.8	57.9	-8.9%
Bất động sản đầu tư	509	551	-7.7%
Tài sản dở dang	139	46.3	201%
Đầu tư tài chính dài hạn	191	192	-0.7%
Tài sản dài hạn khác	44.2	46.6	-5.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,368	1,407	-2.8%
Nợ ngắn hạn	718	795	-9.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	44.2	54.9	-19.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	20.1	31.2	-35.4%
Nợ dài hạn	650	612	6.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	141	126	11.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,790	1,663	7.7%
Vốn chủ sở hữu	1,790	1,663	7.7%
Vốn điều lệ	500	500	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	90.7	94.6	234	223	112
Giá vốn hàng bán	46.1	54.6	93.6	96.0	59.8
Lợi nhuận gộp	44.6	40.0	140	127	52.4
Doanh thu HĐTC	23.8	6.09	15.6	7.18	18.2
Chi phí TC	8.77	4.84	5.14	4.70	0.96
Chi phí lãi vay	3.10	3.48	3.20	3.24	2.96
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.77	1.57	1.60	3.77	0.43
Chi phí QLDN	14.3	16.2	12.8	14.3	12.7
LN thuần từ HĐKD	44.5	23.5	136	112	56.5
Lợi nhuận khác	8.44	34.1	1.08	0.46	0.55
LN trước thuế	53.0	57.6	137	112	57.1
Lợi nhuận sau thuế	42.1	44.8	110	89.8	46.1
LNST của CĐ cty mẹ	42.1	44.8	110	89.8	46.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	33.9	116	109	59.1	6.56
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-108	-56.2	-88.9	-38.8	27.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-104	-13.4	-13.2	-15.3	-62.2
Tiền đầu kỳ	247	69.6	116	122	128
Lưu chuyển tiền thuần	-178	46.0	6.65	5.03	-28.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.13	0	0.92	0
Tiền cuối kỳ	69.6	116	122	128	99.7

(Nguồn: fireant.vn)